**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 NĂM HỌC 2019- 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Chủ đề**  **Mạch KT, KN** | | Mức 1  Nhận biết | | Mức 2  Thông hiểu | | Mức 3  Vận dụng | | Mức 4  Vận dụng | | **Tổng** | |
|  | | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **Đọc hiểu văn bản** - Xác định được hình ảnh, nhân vật, chi tiết có ý nghĩa trong bài đọc.  - Hiểu nội dung của đoạn, bài đã đọc, hiểu ý nghĩa của bài.  - Giải thích được chi tiết trong bài bằng suy luận trực tiếp hoặc rút ra thông tin từ bài đọc.  - Nhận xét được hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc; biết liên hệ những điều đọc được với bản thân và thực tế. | | Số câu | 2 |  | 2 |  |  | 1 |  | 1 | **4** | **2** |
| Số điểm | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  | 1 | **2** | **2** |
| Câu số | 1,2 |  | 3,4 |  |  | 5 |  | 6 |  |  |
| **Kiến thứcTiếng Việt**  - Hiểu nghĩa và sử dụng được một số từ ngữ thuộc các chủ điểm đã học.  - Nhận biết và xác định định được chủ ngữ, vị ngữ của các câu kể **Ai là gì ?, Ai làm gì ?, Ai thế nào ?, câu khiến.** Biết đặt câu với các kiểu câu trên. | | Số câu | 2 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | **2** | **1** |
| Số điểm | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | **1** | **1** |
| Câu số | 7,8 |  | 9 |  |  | 10 |  |  |  |  |
| **Tổng** | | **Số câu** | **4** |  | **3** |  |  | **2** |  | **1** | **7** | **3** |
|  | | **Số điểm** | **2** |  | **2** |  |  | **2** |  | **1** | **4** | **3** |

**TRƯỜNG T H LÊ QUÝ ĐÔN KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC**

**Họ và tên:.................................... 2019-2020**

**Lớp : 4A MÔN : TIẾNG VIỆT(thời gian 40 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Lời phê của giáo viên** |

**I. Kiểm tra đọc.** (7 điểm)Đọc bài sau và trả lời câu hỏi:

**CÔ GIÁO VÀ HAI EM NHỎ**

Nết sinh ra đã bất hạnh với bàn chân trái thiếu ba ngón. Càng lớn, đôi chân Nết lại càng teo đi và rồi Nết phải bò khi muốn di chuyển.

Khi em Na vào lớp Một, ở nhà một mình Nết buồn lắm, chỉ mong Na chóng tan trường về kể chuyện ở trường cho Nết nghe. Na kể rất nhiều về cô giáo: tà áo dài của cô trắng muốt, miệng cô cười tươi như hoa, cô đi nhẹ nhàng đến bên từng học sinh dạy các bạn viết, vẽ...Nghe Na kể, Nết ước mơ được đi học như Na.

Trong một tiết học vẽ, cô giáo cầm vở vẽ của Na. Na vẽ một cô gái đang cầm đôi đũa nhỏ đứng bên một cô gái. Na giải thich: “ Em vẽ một cô tiên đang gõ đôi đũa thần chữa đôi chân cho chị em, để chị em cũng được đi học”. Cô giáo ngạc nhiên khi biết chị gái Na bị tật nguyền. Tối hôm ấy, cô đến thăm Nết. Biết Nết ham học, mỗi tuần ba buổi tối, cô dạy Nết học.

Còn một tháng nữa là kết thúc năm học. Mấy hôm nay, cô giáo thường kể cho 35 học trò của mình về một bạn nhỏ. Đôi chân bạn ấy không may bị tê liệt nên bạn phải ngồi xe lăn nhưng bạn vẫn quyết tâm học. Có lúc đau tê cứng cả lưng nhưng bạn vẫn cố viết và viết rất đẹp. Năm học sau, bạn ấy sẽ vào học cùng các em. Nghe cô kể, mắt Na sáng lên, Na vui và tự hào về chị mình lắm.

Bố mẹ Nết rơm rớm nước mắt khi biết nhà trường sẽ đặc cách cho Nết vào học lớp Hai. Còn Nết, cô bé đang hình dung cách cô giáo cùng các bạn nhỏ xúm xít đầy chiếc xe lăn.

Theo Tâm huyết nhà giáo

**\* Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng:**

**Câu 1:** **Nết là một cô bé như thế nào?** (0,5 điểm)

a. Thích chơi hơn thích học. b. Có hoàn cảnh bất hạnh.

c. Yêu mến cô giáo. d. Thương chị.

**Câu 2:** **Hoàn cảnh của bạn Nết có gì đặc biệt?** (0,5 điểm)

a. Bị tật bẩm sinh và càng lớn đôi chân càng teo đi .

b. Gia đình Nết khó khăn không cho bạn đến trường.

c. Nết mồ côi cha mẹ từ nhỏ.

d. Nết học yếu nên không thích đến trường.

**Câu 3:** **Vì sao cô giáo lại biết được hoàn cảnh của Nết mà giúp đỡ bạn?** (0,5 điểm)

a. Vì cô gặp Nết đang ngồi xe lăn trên đường đi dạy về .

b. Vì Na đã kể cho cô nghe về hoàn cảnh của chị mình.

c. Vì ba mẹ đến trường kể cho cô nghe và xin cho Nết đi học.

d. Vì cô đọc được hoàn cảnh của nết trên báo.

**Câu 4:** **Cô giáo đã làm gì để giúp Nết?** (0,5 điểm)

a. Mua cho bạn một chiếc xe lăn.

b. Cho Nết sách vở để đến lớp cùng bạn.

c. Đến nhà dạy học, kể cho học trò nghe về Nết, xin cho Nết vào học lớp Hai

d. Nhờ học sinh trong lớp kèm cặp cho Nết việc học ở nhà cũng như ở trường.

**Câu 5**: **Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?** (1 điểm)

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

**Câu 6:** **Em học được điều gì từ bạn Nết qua câu chuyện trên?** (1 điểm) M4

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

**Câu 7:** **Nhóm từ nào dưới đây chỉ gồm những từ miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên?** (0,5 điểm)

a. đằm thắm, lộng lẫy, dịu dàng b. tươi đẹp, hùng vĩ, sặc sỡ

c. Xanh tốt, xinh tươi, thùy mị d. hùng vĩ, dịu dàng, lung linh

**Câu 8**: **Câu: “*Na vẽ một cô gái đang cầm đôi đũa nhỏ đứng bên một cô gái*” thuộc kiểu câu kể nào?** (0,5 điểm)

a. Ai là gì? b. Ai thế nào?

c. Ai làm gì? d. Không thuộc câu kể nào.

**Câu 9:** **Tìm chủ ngữ trong câu: “*Năm học sau, bạn ấy sẽ vào học cùng các em*”.(**1đ)

a. Năm học sau b. Năm học sau, bạn ấy

c. Bạn ấy d. Sẽ vào học cùng các em

**Câu 10**: **Trong giờ học, một bạn bên cạnh nói chuyện không nghe cô giảng bài, em đặt *một câu khiến* đề nghị bạn *giữ trật tự* trong giờ học**: (1 điểm)

......................................................................................................................................

......................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**II. BÀI KIỂM TRA VIẾT: (10 điểm).**

**1. Chính tả nghe - viết: (2 điểm)** **Bài : Sầu riêng** (Sầu riêng…….khu vườn)

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**2. Tập làm văn:** (8 điểm)

**Đề bài**: **Tả một cây loài cây mà em yêu thích**.

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM GIỮA HỌC KÌ II MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4 NĂM HỌC 2019 - 20120**

**1. Kiểm tra đọc hiểu (đọc hiểu văn bản kết hợp kiến thức Tiếng Việt): (7 điểm)**

Câu 1: Ý b

Câu 2: Ý a

Câu 3: Ý b

Câu 4: Ý c

Câu 5. Gợi ý trả lời: Trong cuộc sống mỗi người có một hoàn cảnh, ai cũng muốn mình được hạnh phúc, không ai muốn gặp điều bất hạnh. Vì vậy, chúng ta cần phải biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau để cuộc sống tươi đẹp hơn .

– Tùy theo bài làm của HS để GV tính điểm.

Câu 6: Tùy vào bài làm của HS để giáo viên tính điểm: Nếu HS nêu được 1 điều có ý nghĩa thì sẽ tính 1 điểm.

VD: Em học được ở bạn Nết sự kiên trì vượt qua khó khăn để học tập thật tốt dù bị tật nguyền; Hoặc: Em học tập ở bạn Nết lòng lạc quan, vượt lên chính mình, chăm chỉ học hành ...

Câu 7: Ý b

Câu 8 Ý c.

Câu 9. Ý c

Câu 10: Học sinh đặt câu đúng yêu cầu và đủ ý, đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm cảm (1 điểm).

\* Lưu ý: Ví dụ: Bạn hãy giữ trật tự để nghe cô giảng bài!

Bạn nên giữ trật tự cho mình còn nghe cô giảng bài!...

- Các câu 1, 2, 3, 4, 7, 8 (tính mỗi câu 0,5 điểm)

- Các câu: 5, 6, 9, 10 (tính mỗi câu 1 điểm).

**II. Bài kiểm tra viết: (10 điểm).**

**1. Chính tả: (2 điểm)**

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch đẹp: 2 điểm.

- Mắc từ 3-4 lỗi sai - lẫn ( phụ âm đầu hoặc vần, thanh; không viết hoa đúng qui định): trừ 0,5 điểm.

**2. Tập làm văn: (8 điểm)**

\* Học sinh viết được một bài văn tả một cây mà em yêu thích.

a) Điểm thành phần được tính cụ thể như sau:

I. Mở bài: (1,5 điểm)

II. Thân bài: (5 điểm) . Cụ thể:

a) Nội dung: (2 điểm)

b) Kĩ năng: (2 điểm)

c) Cảm xúc: (1 điểm)

III. Kết bài : (1,5 điểm)

**TRƯỜNG T H LÊ QUÝ ĐÔN KIỂM TRA GIỮA KÌ II NĂM HỌC**

**Họ và tên:.................................... 2019-2020**

**Lớp : 4A MÔN : TOÁN (thời gian 40 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Lời phê của giáo viên** |

**Em hãy khoanh vào chữ cái trước ý đúng:**

Bài 1: Phân số  rút gọn bằng phân số nào ? (1điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Bài 2: Phân số tối giản là: (1điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Bài 3: Phân số nào dưới đây lớn hơn 1. (1điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Bài 4: Phân số bằng phân số nào dưới đây: (1điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

Bài 5: 6 yến 2 kg = ? kg (1điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 6002 kg | B. 602 kg | C. 62 kg | D. 620 kg |

Bài 6: 85 dm2 =? cm2 (1điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 8500 cm2 | B. 850 cm2 | C. 85 cm2 | D. 805 cm2 |

Bài 7: Tính: (1điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| a) |  | b) : 4 |
|  | | | |

Bài 8: Tìm x: (1 điểm)

a)

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
| Bài 9: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng bằng chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó. (1điểm)  Bài giải |
|  |
|  |
|  |
|  |
|  |

Bài 10: Tính bằng cách thuận tiện: (1điểm)

|  |
| --- |
|  |
|  |

**ĐÁP ÁN KIỂM TRA MÔN TOÁN LỚP 4 - GIỮA KÌ II**

**Năm học: 2019- 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Bài | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| Khoanh đúng | B | A | C | D | C | A |
| Điểm | 1điểm | 1điểm | 1điểm | 1 điểm | 1 điểm | 1điểm |

Bài 7: Tính: (1điểm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| a) |  | b) | |
|  | | | |

Bài 8: Tìm x: (1 điểm)

a)

Bài 9: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng bằng chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó. (1điểm)

Bài giải:

Chiều rộng mảnh vườn là:

35 = 21 (m)

Diện tích mảnh vườn đó là:

35 21 = 735 (m2)

Đáp số: 735 m2

Bài 10: Tính bằng cách thuận tiện: (1điểm)

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II MÔN TOÁN LỚP 4 NĂM HỌC 2019 - 2020**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mạch kiến thức,  kĩ năng | Số câu và số điểm | Mức 1  Nhận biết | | Mức 2  Thông hiểu | | Mức 3  Vận dụng | | Mức 4  Vận dụng | | Tổng | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| 1.Phân số, các phép tính với phân số, tìm thành phần chưa biết của phép tính. | Số câu |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 | **1** | **3** |
| Số điểm |  |  |  | 2 | 1 |  |  | 1 | **1** | **3** |
| Câu số |  |  |  | 7,8 | 6 |  |  | 10 |  |  |
| 2.Bảng đơn vị đo diện tích, đo khối lượng | Số câu | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Số điểm | 1 |  |  |  |  |  |  |  | **1** |  |
| Câu số | 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3.Rút gọn,so sánh phân số | Số câu | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | **4** |  |
| Số điểm | 2 |  | 2 |  |  |  |  |  | **4** |  |
| Câu số | 1,2 |  | 3,4 |  |  |  |  |  |  |  |
| 5.Các yếu tố về hình học: hình chữ nhật | Số câu |  |  |  |  |  | 1 |  |  | **1** | **1** |
| Số điểm |  |  |  |  |  | 1 |  |  | **1** | **1** |
| Câu số |  |  |  |  |  | 9 |  |  |  |  |
| Tổng | Số câu | **3** |  | **2** | **2** | **1** | **1** |  | **1** | **6** | **4** |
|  | Số điểm | **3** |  | **2** | **2** | **1** | **1** |  | **1** | **6** | **4** |